

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**


Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

đã được soát xét



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisors
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	5 - 28
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực có tên giao dịch là Power Investment Trade Services Company và tên viết tắt là PIST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch	
Bà Đinh Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Dũng (*)	Thành viên	
Ông Lê Minh Ba	Thành viên	
Ông Nguyễn Phước Đức	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/4/2012
Bà Đỗ Thị Xuân Chi	Thành viên	Bãi nhiệm ngày 27/4/2012

(*) Điều hành Công ty trong thời gian từ 14/5/2012 đến 31/7/2012 theo Nghị Quyết số 16/NQ-PIST-HDQT ngày 14/3/2012 của Hội đồng Quản trị.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Ngọc Hà	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Đông	Giám đốc bộ phận tài chính
Ông Đặng Hữu Trí	Giám đốc bộ phận hành chính nhân sự
Bà Nguyễn Thị Hoàng Giang	Giám đốc bộ phận kinh doanh
Ông Đào Nam Tuấn	Phó Giám đốc bộ phận kế hoạch đầu tư

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thái	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoài	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp.HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2012

TM. Hội đồng Quản trị

Ủy viên





Số: 237 /2012/BC.SXTC-AASC.HCM

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực được lập ngày 19 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2012

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Giám đốc



Đỗ Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Chứng chỉ KTV số: 0550/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		397.126.453.826	415.000.989.066
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.968.693.402	10.992.740.570
111	1. Tiền		6.568.693.402	4.192.740.570
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.400.000.000	6.800.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	500.000.000	44.500.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		500.000.000	44.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu		34.914.238.623	32.124.261.111
131	1. Phải thu của khách hàng		4.540.850.534	3.034.191.427
132	2. Trả trước cho người bán	5	21.851.547.648	23.891.774.681
135	5. Các khoản phải thu khác	6	8.721.759.818	5.398.214.380
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(199.919.377)	(199.919.377)
140	IV. Hàng tồn kho	7	348.688.207.573	326.793.245.433
141	1. Hàng tồn kho		348.688.207.573	326.793.245.433
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.055.314.228	590.741.952
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	41.622.840	115.428.673
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.590.052.793	2.915.847
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	222.415.444	154.570.353
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	1.201.223.151	317.827.079
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		163.123.083.756	162.522.266.786
220	II. Tài sản cố định		132.192.155.305	131.339.797.014
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	23.466.868.666	24.403.844.911
222	- Nguyên giá		37.593.269.918	37.593.269.918
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.126.401.252)	(13.189.425.007)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	143.857.000	186.979.000
228	- Nguyên giá		452.820.000	452.820.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(308.963.000)	(265.841.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	108.581.429.639	106.748.973.103
240	III. Bất động sản đầu tư	14	25.482.104.868	25.584.435.234
241	- Nguyên giá		25.925.536.454	25.925.536.454
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(443.431.586)	(341.101.220)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	4.300.000.000	4.300.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.300.000.000	1.300.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		3.000.000.000	3.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.148.823.583	1.298.034.538
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	587.288.652	736.499.607
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		293.666.407	293.666.407
268	3. Tài sản dài hạn khác	17	267.868.524	267.868.524
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		560.249.537.582	577.523.255.852

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

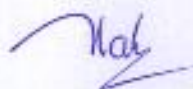
tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		254.445.770.841	297.671.063.106
310	I. Nợ ngắn hạn		253.765.307.165	296.850.932.152
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	205.000.000.000	206.000.000.000
312	2. Phải trả cho người bán		12.324.172.493	43.317.877.548
313	3. Người mua trả tiền trước		5.052.593.665	568.964.480
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	1.038.081.561	1.306.980.416
315	5. Phải trả người lao động		1.192.727.327	2.977.418.261
316	6. Chi phí phải trả	20	18.375.096.840	2.721.510.520
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	10.261.595.797	39.200.258.612
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		521.039.482	757.922.315
330	II. Nợ dài hạn		680.463.676	820.130.954
333	3. Phải trả dài hạn khác		330.285.000	330.285.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		68.635.540	80.538.040
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		281.543.136	409.307.914
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		305.803.766.741	279.852.192.746
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	305.803.766.741	279.852.192.746
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		304.073.133.204	275.132.773.204
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.000.000.000	1.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	50.439.706
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.116.228.358	2.116.228.358
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		656.807.637	656.807.637
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.042.402.458)	895.943.841
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		560.249.537.582	577.523.255.852

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý		105.222.249	105.222.249
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		47.165,00	33.305,00
- Euro (EUR)		793,42	793,42

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huệ

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Thư ký quyền HĐQT

Đỗ Việt Hoàng



Hoàng Minh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	từ 01/01/2012	từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	26.262.056.579	33.892.353.665
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.262.056.579	33.892.353.665
11	4. Giá vốn hàng bán	24	23.791.783.500	28.741.437.650
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.470.273.079	5.150.916.015
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	594.326.050	1.507.928.371
22	7. Chi phí tài chính		60.885	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		471.905.691	538.024.508
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.935.663.705	5.616.265.072
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.343.031.152)	594.554.806
31	11. Thu nhập khác		23.367.888	41.138.174
32	12. Chi phí khác		287.091.549	25.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		(263.723.661)	15.138.174
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.606.754.813)	519.692.980
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	120.529.106	130.060.745
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.727.283.919)	389.632.235
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(96)	14

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huệ

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Thừa ủy quyền HĐQT

Nguyễn Thị Thu Huệ



Hoàng Minh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

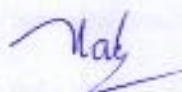
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	từ 01/01/2012	từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.606.754.813)	519.692.980
	2. Điều chỉnh các khoản		488.102.561	(283.471.542)
02	- Khấu hao TSCĐ		1.082.428.611	1.224.226.155
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(594.326.050)	(1.507.697.697)
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.118.652.252)	236.221.438
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.379.915.740)	(1.041.224.073)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(21.894.962.140)	(33.505.912.296)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(41.503.902.624)	26.305.719.211
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		223.016.788	207.622.436
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(930.676.323)	(3.513.470.034)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		222.745.364	12.488.311
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(287.091.549)	(1.686.723.761)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(72.669.438.476)	(12.985.278.768)
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(2.006.739.454)	(2.079.527.248)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(44.417.759.402)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		44.000.000.000	55.298.828.656
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.720.387.162	989.938.295
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		43.713.647.708	9.791.480.301
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		28.940.360.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.000.000.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.616.400)	(223.008.045)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		27.931.743.600	(223.008.045)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.024.047.168)	(3.416.806.512)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.992.740.570	7.537.514.586
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		-	(34.867.973)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	9.968.693.402	4.085.840.101

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Hân

Nguyễn Thị Thu Huệ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực có tên giao dịch là Power Investment Trade Services Company và tên viết tắt là PIST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007426 được thay đổi lần thứ 2 vào ngày 30/03/2009 là 841.000.000.000 đồng. Vốn thực góp được phản ánh trong khoản mục Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Mã số 411 tại thời điểm 30/6/2012 là 304.073.133.204 đồng và được chia thành 30.407.313 cổ phần.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng Công ty	Tp.HCM	Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe du lịch.
- Khách sạn Điện lực 2	Tp.HCM	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng tàu	Tp.HCM	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt	Tp.HCM	Kinh doanh dịch vụ lễ hành.
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực - Sân Giao dịch BDS Ngôi nhà Tương Lai.	Tp.HCM	Sân giao dịch bất động sản.

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ lễ hành nội đại, quốc tế;
- Cho thuê xe. Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sân giao dịch bất động sản;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ vui chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ;
- Đại lý bảo hiểm, đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý bán vé máy bay, đại lý bán ô tô;
- Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập, truy nhập internet tại trụ sở);
- Xây dựng công trình dân dụng, chuyên nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng công trình điện vừa và nhỏ, công trình thủy điện, nhiệt điện, khí và năng lượng điện;
- Mua bán văn phòng phẩm, mỹ phẩm, hàng gia dụng, xe ô tô, rượu;
- Sản xuất, mua bán thiết bị điện, viễn thông và cơ khí (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Bán buôn sắt, thép, kim loại khác, xi măng; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

B-C
DUY
VĂN
KẾ TOÁN
HỘI

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	32 – 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung dương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế quyền sử dụng đất do đánh giá lại được phân bổ trong thời gian 5 năm.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm. Tại thời điểm 30/6/2012 Công ty chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện kê khai và quyết toán thuế độc lập.

05
NHÀ
HỌ
TÊN
VỤ
HÀNH
KINH
DOANH

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.100.723.222	975.280.364
Tiền gửi ngân hàng	5.467.970.180	3.217.460.206
Các khoản tương đương tiền (*)	3.400.000.000	6.800.000.000
	9.968.693.402	10.992.740.570

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng	500.000.000	44.500.000.000
	500.000.000	44.500.000.000

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án 16 - Âu Cơ	2.669.895.029	2.257.672.090
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Củ Chi	6.930.398.914	6.230.398.914
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Cồn Khương	611.748.436	611.748.436
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Ninh Thuận	4.039.510.199	4.039.510.199
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Phú Quốc	5.000.000.000	5.000.000.000
Tạm ứng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Peridot	2.238.722.161	5.285.351.111
Tạm ứng cho người bán khác	361.272.909	467.093.931
	21.851.547.648	23.891.774.681

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Nam Long về dự án Công viên nước Cần Thơ và Cồn Khương	920.895.608	628.037.690
Hợp tác xã Nông Công nghiệp (Chi phí đầu tư xây dựng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu Sở tài chính Tp. HCM về tiền hỗ trợ tái định cư	5.848.273.779	2.182.521.300
Lãi dự thu của tiền gửi	53.177.778	1.179.238.890
Tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ PTN	498.276.410	69.946.410
Phải thu thuế TNCN của cán bộ công nhân viên	108.409.923	116.648.532
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện	25.407.210	25.407.210
Phải thu khác	267.319.110	196.414.348
	8.721.759.818	5.398.214.380

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.612.235	40.700.902
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	348.650.595.338	325.119.968.084
Hàng hóa bất động sản (**)	-	1.632.576.447
	348.688.207.573	326.793.245.433

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Dự án xây dựng Chung cư An Dương Vương Điện Lực (Chung cư Peridot) tại địa chỉ số 226/51 An Dương Vương, phường 16, quận 8, TP. HCM để bán. Dự kiến Công ty sẽ bán giao căn hộ vào năm 2012.	82.353.862.118	72.282.247.105
- Dự án xây dựng Cụm cao ốc Văn phòng - Trung tâm thương mại tại địa chỉ số 16 Âu Cơ, Tân Phú, TP. HCM để bán. Hiện tại Công ty làm chủ đầu tư.	266.241.281.955	252.782.269.714
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	55.451.265	55.451.265
	348.650.595.338	325.119.968.084

(**) Chi tiết hàng hóa bất động sản

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Căn hộ số 412 lô A Chung cư Sơn Kỳ- Quận Tân Bình	-	740.674.917
- Căn hộ chung cư Phú Thạch- Quận Tân Phú	-	891.901.530
	-	1.632.576.447

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	41.622.840	115.428.673
	41.622.840	115.428.673

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	222.415.444	150.914.451
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.655.902
	222.415.444	154.570.353

10 . TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.197.223.151	316.827.079
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.000.000	1.000.000
	1.201.223.151	317.827.079

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	25.326.011.428	317.530.113	8.238.494.030	3.711.234.347	37.593.269.918
Số dư cuối kỳ	25.326.011.428	317.530.113	8.238.494.030	3.711.234.347	37.593.269.918
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.345.680.421	154.229.873	2.389.709.544	3.299.805.169	13.189.425.007
Số tăng trong kỳ	315.390.876	23.534.968	457.124.496	140.925.905	936.976.245
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	315.390.876	23.534.968	457.124.496	140.925.905	936.976.245
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.661.071.297	177.764.841	2.846.834.040	3.440.731.074	14.126.401.252
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	17.980.331.007	163.300.240	5.848.784.486	411.429.178	24.403.844.911
Tại ngày cuối kỳ	17.664.940.131	139.765.272	5.391.659.990	270.503.273	23.466.868.666
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					16.395.904.953

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	452.820.000	452.820.000
Số dư cuối kỳ	452.820.000	452.820.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	265.841.000	265.841.000
Số tăng trong kỳ	43.122.000	43.122.000
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	43.122.000	43.122.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	308.963.000	308.963.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	186.979.000	186.979.000
Tại ngày cuối kỳ	143.857.000	143.857.000

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công viên nước Cần Thơ	38.412.922.185	38.705.780.103
Khu nhà vườn Côn Khương- Cần Thơ	31.130.796.655	31.130.396.655
Khu biệt thự Củ Chi- HTX Hà Quang	26.197.896.598	24.079.321.598
Khu lăng vườn du lịch sinh thái Củ Chi	3.979.545.455	3.979.545.455
Dự án khu nghỉ dưỡng Ninh Thuận	3.973.696.222	3.973.696.222
Dự án khu biệt thự Phú Hòa Đông huyện Củ Chi	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự án khu nghỉ dưỡng Phú Quốc	1.408.492.455	1.402.153.001
Dự án khách sạn du lịch Điện lực Đà Lạt	183.523.176	183.523.176
Cải tạo nâng cấp khách sạn du lịch Vũng Tàu	294.556.893	294.556.893
	108.581.429.639	106.748.973.103

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.692.500.000	10.233.036.454	25.925.536.454
Số dư cuối kỳ	15.692.500.000	10.233.036.454	25.925.536.454
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ		341.101.220	341.101.220
Số tăng trong kỳ	-	102.330.366	102.330.366
- Khấu hao trong kỳ	-	102.330.366	102.330.366
Số dư cuối kỳ	-	443.431.586	443.431.586
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	15.692.500.000	9.891.935.234	25.584.435.234
Tại ngày cuối kỳ	15.692.500.000	9.789.604.868	25.482.104.868

15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện lực Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
	4.300.000.000	4.300.000.000

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện lực cam kết góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN số tiền là 46.150.000.000 VND chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801178692 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27 tháng 10 năm 2011. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN là hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Công ty đang trong giai đoạn trước hoạt động.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lợi thế quyền sử dụng đất đo đánh giá lại chờ phân bổ	441.930.986	511.930.986
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	145.357.666	224.568.621
	587.288.652	736.499.607

17 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	267.868.524	267.868.524
	267.868.524	267.868.524

18 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn ^(*)	5.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực-CN HCM	5.000.000.000	6.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả ^(**)	200.000.000.000	200.000.000.000
	205.000.000.000	206.000.000.000

(*) Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 011/2011/HĐTD-NH-DN/TCBL, ngày 19/08/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- Mục đích vay: thanh toán khối lượng xây lắp dự án chung cư An Dương Vương;

() Thông tin bổ sung cho các khoản nợ dài hạn đến hạn trả**

Công ty phát hành 200 trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực (Ký hiệu: PIST0110) ngày 01 tháng 12 năm 2010, mỗi trái phiếu mệnh giá 1 tỷ VND, hình thức trái phiếu ghi sổ có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu năm đầu 14,5%/năm, năm thứ 2 lãi suất được điều chỉnh với lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau thì sử dụng lãi suất loại hình huy động tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) của trung bình 4 ngân hàng được chọn trước vào ngày xác định lãi suất cho kỳ trả lãi năm thứ 2, cộng (+) với lãi biến 4,0%/năm. Ngày 02 tháng 12 năm 2012 đến kỳ hạn trả nợ gốc. Tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được dùng để đầu tư cho dự án Cùm cao ốc Văn phòng - Trung tâm thương mại số 16 Âu Cơ, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	218.304.920	169.187.238
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	120.529.106	831.305.125
Thuế Thu nhập cá nhân	26.742.799	306.488.053
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	672.504.736	-
	1.038.081.561	1.306.980.416

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	18.179.861.108	2.518.999.998
Chi phí phải trả khác	195.235.732	202.510.522
	18.375.096.840	2.721.510.520

21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	48.838.460	33.138.481
Bảo hiểm xã hội	105.725.497	41.113.411
Bảo hiểm y tế	42.223.332	14.889.789
Bảo hiểm thất nghiệp	20.012.889	11.415.285
Cổ tức phải trả cổ đông do sáp nhập Công ty CP Xây lắp Điện	334.556.200	334.556.200
Cổ tức phải trả cho cổ đông	555.437.488	566.051.110
Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam ghi nhận từ sáp nhập Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện	3.678.599.593	3.678.599.593
Tạm thu tiền góp vốn cổ phần của các cổ đông ^(*)	4.815.717.600	33.762.863.878
Phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Nam tiền mua sắm vật tư	300.000.000	300.000.000
Phải trả cục thuế HCM về tiền thuế đất tại KS Điện lực TP	113.321.589	214.746.736
Các khoản phải trả phải nộp khác	247.163.149	242.884.129
	10.261.595.797	39.200.258.612

^(*) Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận tăng thêm vốn góp theo công văn số 1287/UBCK-QLPH ngày 26/4/2012 số tiền 28.940.360.000 đồng.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	275.132.773.204	1.000.000.000	50.439.706	2.116.228.358	656.807.637	895.943.841	279.852.192.746
Tăng vốn trong kỳ ^(*)	28.940.360.000						28.940.360.000
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(2.727.283.919)	(2.727.283.919)
Phân phối lợi nhuận ^(**)	-	-	-	-	-	(211.062.380)	(211.062.380)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(50.439.706)	-	-	-	(50.439.706)
Số dư cuối kỳ này	304.073.133.204	1.000.000.000	-	2.116.228.358	656.807.637	(2.042.402.458)	305.803.766.741

^(*) Công ty tăng vốn điều lệ theo công văn chấp thuận số 1287/UBCK-QLPH ngày 26/4/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

^(**) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 trong kỳ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 32/NQ-DHĐCĐ ngày 27/4/2012.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	92.036.647.982	30,27%	91.036.640.000	33,09%
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	85.036.647.982	27,97%	84.036.640.000	30,54%
- Tổng Công ty Điện lực TP. HCM	7.000.000.000	2,30%	7.000.000.000	2,54%
Vốn góp của cổ đông khác	212.036.485.222	69,73%	184.096.133.204	66,91%
Số dư cuối kỳ này	304.073.133.204	100%	275.132.773.204	100%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	275.132.773.204	275.132.773.204
- Vốn góp tăng trong kỳ	28.940.360.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	304.073.133.204	275.132.773.204

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	84.100.000	84.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.407.313	27.513.277
- Cổ phiếu phổ thông	30.407.313	27.513.277
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.407.313	27.513.277
- Cổ phiếu phổ thông	30.407.313	27.513.277
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.116.228.358	2.116.228.358
Quỹ dự phòng tài chính	656.807.637	656.807.637
	2.833.901.712	2.828.113.459

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu dịch vụ lữ hành, vé máy bay	17.741.428.197	18.644.762.140
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	6.044.669.215	9.963.900.616
Doanh thu kinh doanh bất động sản ^(*)	1.423.068.804	4.150.554.997
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe và giữ xe	797.102.726	937.827.270
Doanh thu cho thuê mặt bằng	255.787.637	231.001.146
Doanh thu công trình XD/CB dở dang của Công ty Cổ phần Xây Lắp điện	-	(35.692.504)
	26.262.056.579	33.892.353.665

^(*) Chi tiết doanh thu kinh doanh bất động sản trong kỳ

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
- Doanh thu bán căn hộ Phú Thạnh	782.810.622	4.150.554.997
- Doanh thu bán căn hộ Tây Thạnh- Sơn Kỳ	640.258.182	-
	1.423.068.804	4.150.554.997

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ lữ hành, vé máy bay	16.303.798.481	16.862.315.775
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	4.873.801.140	6.567.971.557
Giá vốn kinh doanh bất động sản (*)	1.632.576.447	4.263.736.818
Giá vốn hoạt động cho thuê xe	879.277.066	945.083.134
Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	102.330.366	102.330.366
	23.791.783.500	28.741.437.650

(*) Chi tiết giá vốn kinh doanh bất động sản trong kỳ

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
- Giá vốn bán căn hộ Phú Thạnh	891.901.530	4.263.736.818
- Giá vốn bán căn hộ Tây Thạnh- Sơn Kỳ	740.674.917	-
	1.632.576.447	4.263.736.818

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	594.326.050	1.507.697.697
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ	-	230.674
	594.326.050	1.507.928.371

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.606.754.813)	519.692.980
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của Văn phòng công ty	(2.775.017.742)	(2.034.720.901)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của Khách sạn Vũng tàu	14.870.796	173.393.493
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của Khách sạn Điện lực 2	(313.853.493)	1.348.944.305
- Lợi nhuận kế toán trước thuế của Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt	467.245.626	1.032.076.083
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	132.350.060	550.000
Các khoản điều chỉnh tăng	132.350.060	550.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	(2.474.404.753)	520.242.980
- Thu nhập tính thuế của Văn phòng công ty	(2.642.667.682)	(2.034.170.901)
- Thu nhập tính thuế của Khách sạn Vũng tàu	14.870.796	173.393.493
- Thu nhập tính thuế của Khách sạn Điện lực 2	(313.853.493)	1.348.944.305
- Thu nhập tính thuế của Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt	467.245.626	1.032.076.083
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	120.529.106	130.060.745
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty	-	92.377.245
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Khách sạn Vũng tàu	3.717.699	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt	116.811.407	37.683.500
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	120.529.106	130.060.745

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(2.787.676.591)	389.632.235
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.787.676.591)	389.632.235
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	28.960.295	27.513.277
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(96)	14

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.968.693.402	-	10.992.740.570	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.262.610.352	(199.919.377)	8.432.405.807	(199.919.377)
	23.231.303.754	(199.919.377)	19.425.146.377	(199.919.377)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	205.000.000.000	206.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.916.053.290	82.848.421.160
Chi phí phải trả	18.375.096.840	2.721.510.520
	246.291.150.130	291.569.931.680

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	205.000.000.000	-	-	205.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.585.768.290	330.285.000	-	22.916.053.290
Chi phí phải trả	18.375.096.840	-	-	18.375.096.840
	245.960.865.130	330.285.000	-	246.291.150.130
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	206.000.000.000	-	-	206.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	82.518.136.160	330.285.000	-	82.848.421.160
Chi phí phải trả	2.721.510.520	-	-	2.721.510.520
	291.239.646.680	330.285.000	-	291.569.931.680

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	Kinh doanh hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.423.068.804	6.044.669.215	17.741.428.197	1.052.890.363	26.262.056.579
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(209.507.643)	1.170.868.075	1.437.629.716	71.282.931	2.470.273.079
Tài sản bộ phận	528.745.853.521	2.650.295.964	3.371.283.229	25.482.104.868	560.249.537.582
Tổng tài sản	528.745.853.521	2.650.295.964	3.371.283.229	25.482.104.868	560.249.537.582
Nợ phải trả của các bộ phận	248.434.560.577	3.107.172.661	2.904.037.603	-	254.445.770.841
Tổng nợ phải trả	248.434.560.577	3.107.172.661	2.904.037.603	-	254.445.770.841

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	21.363.636	152.615.777
<i>Tại Khách sạn Vũng tàu</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	81.594.545	1.306.175.909
<i>Tại Khách sạn Điện lực 2</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	685.128.454	3.865.661.727
<i>Tại Trung tâm lữ hành Cuộc Sống Việt</i>			
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	7.488.946.363	8.423.668.182

Chia cổ tức

Tại Văn phòng Công ty

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	300.000.000
----------------------------------	------------------------------	---	-------------

Tạm ứng

Tại Văn phòng Công ty

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	Công ty con	498.276.410	-
---------------------------------------	-------------	-------------	---

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND

Phải thu

Tại Văn phòng Công ty

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	155.706.260
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ PTN	Công ty con	498.276.410	-

Tại Khách sạn Vũng tàu

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	72.966.000	8.176.000
----------------------------------	------------------------------	------------	-----------

Tại Khách sạn Điện lực 2

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	199.358.000	337.257.000
----------------------------------	------------------------------	-------------	-------------

Tại Trung tâm lễ hành Cuộc Sống Việt

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	1.616.067.000	466.503.400
----------------------------------	------------------------------	---------------	-------------

Phải trả

Tại Văn phòng Công ty

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	3.678.599.593	3.565.278.004
----------------------------------	------------------------------	---------------	---------------

Tại Khách sạn Vũng tàu

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	395.454.545	300.000.000
----------------------------------	------------------------------	-------------	-------------

Tại Khách sạn Điện lực 2

- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	113.321.589	113.321.589
----------------------------------	------------------------------	-------------	-------------

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PTN
 BAN GIÁM ĐỐC
 CHỖ CHỮ KÝ

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	211.110.980	183.332.764

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã được kiểm toán, soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huệ

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Thủ quỹ quyền HĐQT
Đỗ Thị Huệ

Hoàng Minh Dũng